

Số: 279 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 18 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BKHCN ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Theo đề nghị của Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, đầu mối để tham mưu, tổ chức triển khai các hoạt động theo Kế hoạch; các Sở, ngành liên quan và các địa phương có trách nhiệm phối hợp, triển khai thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./ *Vma*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Lịch

KẾ HOẠCH

Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của UBND tỉnh)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Thông tư số 10/2023/TT-BKHCN ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 30/01/2024 của UBND tỉnh về xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Gia Lai năm 2024.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm thực hiện việc quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn, nâng cao thương hiệu đối với sản phẩm, hàng hóa đặc thù trên địa bàn tỉnh.

Góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật địa phương (sau đây viết tắt là QCĐP) áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Yêu cầu

Việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

QCĐP phải dựa trên nền tảng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, các đánh giá, khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm tra, giám định nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý chất lượng nước sạch trên địa bàn tỉnh.

Không tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

TT	Lĩnh vực, đối tượng QCĐP	Tên QCĐP	Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (Triệu đồng)			Cơ quan, tổ chức đề nghị
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Ngân sách nhà nước	Nguồn khác	
1	- Lĩnh vực: Y tế - Đối tượng: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Sở Y tế	Quý II Năm 2024	Quý IV Năm 2025	1.437	1.437	-	Sở Y tế
Tổng cộng						1.437	1.437	-	

IV. PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI

(Chi tiết tại Phụ lục I “Dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương” kèm theo Kế hoạch này)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách tỉnh, với tổng kinh phí dự kiến: **1.437.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu đồng). Trong đó:

- Nguồn kinh phí năm 2024 (đã giao ngân sách năm 2024 cho Sở Y tế): **1.377.000.000** đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

- Nguồn kinh phí năm 2025: **60.000.000** đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Việc quản lý và sử dụng kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và quy định pháp luật hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Trên cơ sở kế hoạch này, UBND tỉnh giao Sở Y tế là cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai đúng quy định (Nghiên cứu hình thức văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp).

Thực hiện thông tin, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện việc xây dựng QCĐP về Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ phổ biến, thông tin rộng rãi nội dung QCĐP đã được ban hành, có hiệu lực đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tổ chức, cá nhân có liên quan thuộc đối tượng điều chỉnh bởi kế hoạch này. Rà soát, kịp thời sửa đổi, điều chỉnh QCĐP khi có phát sinh quy định mới của cơ quan có thẩm quyền, không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và đời sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Làm đầu mối theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng QCĐP tại cơ quan được giao chủ trì thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng, trình tự, thủ tục và tiến độ công việc theo đúng quy định về xây dựng và ban hành QCĐP.

Tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch xây dựng QCĐP báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Tư pháp

Tổ chức thẩm định dự thảo Quyết định ban hành QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai đảm bảo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước khi cơ quan chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước hàng năm được giao để triển khai các hoạt động trong Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng QCĐP thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo thẩm quyền và cung cấp thông tin, số liệu thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý khi có yêu cầu; tham gia góp ý dự thảo QCĐP (khi được lấy ý kiến).

6. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng xây dựng QCĐP

Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng QCĐP trong việc cung cấp các thông tin, số liệu, thực trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh; tham gia góp ý dự thảo QCĐP (khi được lấy ý kiến).

Yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh; ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 18/6 /2024 của UBND tỉnh)

1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật

Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (sau đây viết tắt là QCĐP) về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương

2.1. Phạm vi

Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2.2. Đối tượng áp dụng

- Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, buôn bán, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (sau đây gọi tắt là đơn vị cấp nước); các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quy chuẩn này không áp dụng đối với nước uống trực tiếp tại vòi, nước đóng bình, đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng bình, đóng chai, nước sản xuất ra từ các bình lọc nước, hệ thống lọc nước và các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị

Tên cơ quan: Sở Y tế tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: 09 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0269 3824 449

Email: syt@gialai.gov.vn

Tên cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

+ Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Y tế.

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật:

Tha

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 16 đơn vị cấp nước (Trong đó: 16 đơn vị có công suất thiết kế $1000m^3/ngày đêm$) cung cấp nước ăn uống, sinh hoạt cho người dân trên địa bàn tỉnh đang hoạt động phân bố trên hầu hết các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, chủ yếu khai thác nguồn nước ngầm và nước bề mặt gồm các đơn vị:

+ Đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý: Công ty cổ phần cấp nước Chư Sê; Đơn vị cấp nước Ayun Pa - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai; Công ty TNHH MTV KTCT Thủy Lợi Gia Lai (Phú Thiện - Ia Pa); Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai; Công ty cấp nước Sài Gòn - Pleiku; Công ty cổ phần nước Sài Gòn - An Khê.

+ Đơn vị được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã quản lý: Đội công trình đô thị huyện Đăk Đoa; Đội công trình đô thị thương mại huyện Mang Yang; Trạm Quản lý Thủy nông huyện Kbang, Trạm quản lý nước và công trình đô thị huyện Kông Chro, Đội công trình giao thông huyện Đăk Pơ, Trạm cấp nước sinh hoạt Krông Pa, công trình giao thông và dịch vụ đô thị huyện Đức Cơ, Trạm cấp nước và dịch vụ đô thị huyện Chư Păh, Đội quản lý trật tự đô thị xây dựng và môi trường huyện Ia Grai, Ban quản lý và cung cấp nước sạch huyện Chư Pưh.

Từ trước đến nay việc quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng nước của các cơ sở cấp nước này tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01:2009/BYT) theo Thông tư số 04/2009/TT - BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 02:2009/BYT) theo Thông tư số 05/2009/TT - BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt, tùy theo quy mô cung cấp của các đơn vị cấp nước. Hiện nay Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 41/2018/TT - BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Trong đó quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Việc xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của tỉnh là rất cần thiết và phải thực hiện.

5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý sau đây:

- + Đảm bảo an toàn
- + Đảm bảo vệ sinh, sức khỏe
- + Bảo vệ môi trường

- + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia
- + Bảo vệ động, thực vật
- + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- QCĐP dùng để chứng nhận hoặc công bố hợp quy
- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan:

+ Thông tư số 41/2018/TT - BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt Quy định chất lượng nước ăn uống sinh hoạt;

+ Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

+ Thông tư 26/2019/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 10/2023/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2019/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

+ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Nghị quyết số 54/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

6. Loại quy chuẩn kỹ thuật

- + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn
- + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường

7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương

7.1. Những vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung)

- Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù
- An toàn trong dịch vụ môi trường

- An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công (Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt)

7.2. Bộ cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến

QCĐP gồm có 5 chương và 10 điều.

Chương I. Quy định chung, gồm 3 điều

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

+ Điều 2. Đối tượng áp dụng

+ Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Chương II. Quy định về kỹ thuật, gồm 4 điều

+ Điều 4. Danh mục các thông số chất lượng nước sạch và ngưỡng giới hạn cho phép

+ Điều 5. Thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch

+ Điều 6. Số lượng và vị trí lấy mẫu thử nghiệm

+ Điều 7. Phương pháp lấy mẫu, phương pháp thử

- Chương III. Quy định về quản lý, gồm 1 điều:

+ Điều 8. Công bố hợp quy

- Chương IV. Tổ chức thực hiện, gồm 2 điều:

+ Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

+ Điều 10. Quy định chuyển tiếp

Các phụ lục nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế.

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế:

Có

Không

+ Nội dung: thử nghiệm các mẫu nước sạch sau xử lý theo QCVN 01-1:2018/BYT.

+ Địa điểm: Tại các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ Thời gian: Sau khi có Quyết định phê duyệt Kế hoạch xây dựng QCĐP của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt: : QCVN 01-1:2018/BYT.

+ Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương dựa trên tham khảo, hội cứu dữ liệu từ các Sở, ngành có liên quan và kết hợp khảo nghiệm chất lượng nước

sạch năm 2024. Cụ thể như sau:

+ Phương pháp hồi cứu: Tiến hành hồi cứu kết quả kiểm tra, giám sát về chất lượng nước bề mặt và nước dưới đất; chất lượng nước thải (công nghiệp, nông nghiệp) trong những năm qua (tối thiểu 03 năm), thu thập thông tin về đặc điểm địa hình, địa chất tỉnh Gia Lai của Sở Tài Nguyên và Môi trường; Thu thập số liệu, thông tin về tình hình sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hồi cứu số liệu về kết quả kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Chi cục Thủy lợi, các đơn vị cấp nước; Thu thập số liệu về công nghệ xử lý và hệ thống phân phối nước sạch (bao gồm các loại hóa chất sử dụng, vật liệu đường ống nước,...) của các đơn vị cung cấp nước sạch; Thu thập thông tin về tình hình sử dụng các loại hóa chất trên địa bàn tỉnh của Sở Công thương.

+ Phương pháp khảo nghiệm: Tiến hành lấy 64 mẫu nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các đơn vị cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh. Xét nghiệm toàn bộ 99 thông số chất lượng nước theo QCVN 01-1:2018/BYT để đánh giá cắt ngang chất lượng nước sạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ Tham khảo các QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đã ban hành trong thời gian qua.

+ Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương kết hợp cả tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu: Kết quả điều tra khảo sát, xét nghiệm phân tích mẫu nước tại các đơn vị nhà máy cung cấp nước trên địa bàn của tỉnh.

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật:

+ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

+ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

+ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

+ Các TCVN, số hiệu tiêu chuẩn về cách lấy mẫu, phương pháp phân tích mẫu, giới hạn cho phép đối với các thông số chất lượng nước.

+ Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;

+ Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 03 năm 2017 sửa đổi,

bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

+ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

+ Thông tư số 26/2019/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

+ Thông tư số 10/2023/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2019/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

+ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Nghị quyết số 54/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên

địa bàn tỉnh Gia Lai.

9. Kiến nghị ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP: Sở Y tế là cơ quan chủ trì.
- Ban soạn thảo QCĐP: Sở Y tế tỉnh Gia Lai tham mưu UBND tỉnh thành lập ban soạn thảo QCĐP để tổ chức hoạt động biên soạn.

Dự kiến ban soạn thảo QCĐP có 14 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và 12 thành viên (bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học của Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường - Bộ Y tế mời tham gia Ban soạn thảo). Tổ giúp việc Ban soạn thảo QCĐP để tổ chức hoạt động biên soạn có 05 thành viên.

10. Cơ quan phối hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị, nhà máy cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Gia Lai...

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương: Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi cục Thủy lợi, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, các đơn vị cấp nước sinh hoạt hoạt động tại Gia Lai, các chuyên gia lĩnh vực cấp nước và chất lượng nước, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nước sạch trên địa bàn tỉnh...

11. Dự kiến tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCĐP		
1.1	<i>Xây dựng dự án, ban hành kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Gia Lai trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.</i>	12/2023	06/2024
1.2	<i>Thành lập Ban soạn thảo, Tổ giúp việc xây dựng Quy chuẩn.</i>	6/2024	7/2024
1.3	<i>Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập số liệu liên quan để phục vụ xây dựng QCĐP.</i>	7/2024	8/2024
1.4	<i>Tổ chức lấy mẫu các nước sạch, kiểm nghiệm, phân tích để phục vụ xây dựng</i>	8/2024	11/2024

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
	<i>QCĐP (Lấy mẫu đợt 1, đợt 2).</i>		
2	Biên soạn dự thảo QCĐP		
2.1	<i>Xây dựng dự thảo lần 01 QCĐP (Kèm thuyết minh QCĐP và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành QCĐP)</i>	11/2024	02/2025
2.2	<i>Tổ chức các hội thảo tham vấn trực tiếp lấy ý kiến QCĐP (03 hội thảo)</i>		
2.3	<i>Chỉnh sửa Quy chuẩn kỹ thuật địa phương sau khi tiếp thu ý kiến của mỗi một hội thảo tham vấn (dự thảo lần 2, lần 3, lần 4)</i>	02/2025	4/2025
3	Tổ chức lấy ý kiến dự thảo QCĐP		
3.1	<i>Lấy ý kiến dự thảo QCĐP, thuyết minh QCĐP và của các sở, ban, ngành, Hiệp hội, thành viên Ban soạn thảo, các chuyên gia và các đối tượng liên quan trực tiếp chịu tác động của QCĐP bằng văn bản và; đăng trên Báo Gia Lai và Trang điện tử của UBND tỉnh, gửi đến cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của địa phương (Sở Khoa học và Công nghệ)</i>	4/2025	5/2025
3.2	<i>Chỉnh sửa và hoàn chỉnh dự thảo QCĐP, thuyết minh QCĐP và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành QCĐP (lần 5)</i>	5/2025	6/2025
3.3	<i>Gửi hồ sơ dự thảo QCĐP xin ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định quản lý của QCĐP</i>	6/2025	7/2025
4	Thẩm tra hồ sơ dự thảo QCĐP		
4.1	<i>Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thẩm tra hồ sơ dự thảo QCĐP</i>	7/2025	8/2025
4.2	<i>Chỉnh sửa và hoàn chỉnh dự thảo QCĐP, thuyết minh QCĐP và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành QCĐP sau thẩm tra (Lần 6)</i>	8/2025	9/2025
5	Lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành về hồ sơ dự thảo QCĐP		
5.1	<i>Tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ xin ý kiến của Bộ Y tế về việc ban hành QCĐP</i>	9/2025	10/2025
5.2	<i>Chỉnh sửa và hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo QCĐP sau các ý kiến của Bộ Y tế (Lần 7, nếu có) trình duyệt.</i>	10/2025	11/2025

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
6	Gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân tỉnh	11/2025	12/2025
7	Ban hành QCDP	12/2025	12/2025

12. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí dự kiến: **1.437.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu đồng)

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh năm 2024: **1.377.000.000 đồng** (Một tỷ ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

- Ngân sách tỉnh năm 2025: **60.000.000 đồng** (Sáu mươi triệu đồng).

- Nguồn khác: **0 đồng**

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện:

TT	Nội dung chi	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú (cơ sở pháp lý của nội dung chi, mức chi)
1	Lập dự án xây dựng QCDP	Dự án	1	1.000.000	1.000.000	
2	Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá các công trình cấp nước (NMN) và thu thập thông tin phục vụ công tác xây dựng QCKTĐP				39.000.000	điểm g khoản 1 Điều 4 Thông tư 27/2020/TT-BTC;
2.1	Chi tiền lưu trú (3 người x 16 ngày)	ngày - người	48	200.000	9.600.000	Nghị quyết 75/2017/NQ-HĐND
2.2	Chi tiền ngủ (3 người x 8 đêm)	Đêm - người	24	350.000	8.400.000	
2.3	Xăng xe 1400 km x 0,2 lít/100km	lít	840	25.000	21.000.000	Tạm tính; chi theo thực tế
3	Thử nghiệm đánh giá chất lượng nước sinh hoạt				1.152.000.000	Nội dung chi: điểm h khoản 1 Điều 4 Thông tư 27/2020/TT-BTC

3.1	Chi phân tích mẫu nước của các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh (99 thông số/ mẫu; 32 mẫu nước x 2 đợt)	mẫu	64	18.000.000	1.152.000.000	Căn cứ theo TT 240/2016/TT-BTC
4	Tổ chức hội thảo chuyên đề xây dựng QCĐP (3 lần Hội thảo; 45 người/ hội thảo)				36.450.000	điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư 27/2020/TT-BTC
4.1	Chủ trì (1 người x 3 hội thảo)	người - hội thảo	3	500.000	1.500.000	khoản 8 Điều 2 Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND
4.2	Thành viên, đại biểu (44 người x 3 hội thảo)	người - hội thảo	132	100.000	13.200.000	
4.3	Thuê hội trường (1 buổi x 3 hội thảo)	Hội trường - buổi	3	3.500.000	10.500.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC; Chi theo thực tế
5.4	Băng rôn (1 cái x 2 hội thảo)	Cái - Hội thảo	3	500.000	1.500.000	
4.5	Back Grond (1 cái x 3 hội thảo)	Cái - Hội thảo	3	1.000.000	3.000.000	
4.6	Tài liệu, văn phòng phẩm (45 bộ x 3 hội thảo)	Bộ	135	30.000	4.050.000	
4.7	Nước uống (45 người x 3 hội thảo)	người - buổi	135	20.000	2.700.000	Nghị quyết 75/2017/NQ-HĐND
5	Chi lấy ý kiến nhận xét chuyên gia đối với dự thảo QCĐP	chuyên gia	15	500.000	7.500.000	điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư 27/2020/TT-BTC
6	Chi tổ chức cuộc họp của ban biên soạn dự thảo QCĐP (4 cuộc họp)				6.600.000	điểm e khoản 1 Điều 4 Thông tư 27/2020/TT-BTC
6.1	Chủ trì cuộc họp (1 người x 4 cuộc)	người - cuộc họp	4	150.000	600.000	điểm h khoản 1 Điều 5 Thông tư 27/2020/TT-BTC
6.2	Thành viên tham gia ban biên soạn (14 người)	người - cuộc họp	60	100.000	6.000.000	

	(10 người ban biên soạn + 5 người tổ giúp việc) x 4 cuộc)					BTC
7	Chi thẩm tra, thẩm định dự thảo QCĐP				12.000.000	điểm h khoản 1 Điều 4 Thông tư 27/2020/TT-BTC
7.1	Chủ tịch hội đồng	Người - QCĐP	1	1.000.000	1.000.000	khoản 11 Điều 2 Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND
7.2	Các thành viên hội đồng	Người - QCĐP	8	500.000	4.000.000	
7.3	Chi nhận xét đánh giá phản biện của thành viên hội đồng thẩm tra	Báo cáo phản biện	2	500.000	1.000.000	khoản 10 Điều 2 Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND
7.4	Phụ cấp lưu trú chuyên gia ngoài tỉnh (1 người x 3 ngày)	Ngày - người	3	200.000	600.000	
7.5	Tiền trợ chuyên gia ngoài tỉnh (1 người x 2 đêm)	Đêm - người	2	450.000	900.000	Nghị quyết 75/2017/NQ-HĐND
7.6	Chi phí đi lại chuyên gia ngoài tỉnh (vé máy bay, khứ hồi)	Lượt - người	1	4.000.000	4.000.000	
7.7	Chi nước uống phục vụ hội đồng (Hội đồng và thành viên ban soạn thảo, tổ giúp việc)	Người- buổi	25	20.000	500.000	
8	Chi soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành QCĐP				22.000.000	
8.1	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản Quyết định trình UBND tỉnh ban hành QCĐP	Dự thảo	1	20.000.000	20.000.000	Điều 2, khoản 1, mục b Chi theo Nghị quyết số 54/2023/ NQ-HĐND
8.2	Chi thẩm định hồ sơ soạn thảo Quyết định trình UBND tỉnh ban hành QCĐP	Dự thảo	1	2.000.000	2.000.000	Điều 2, khoản 3, mục b Chi theo Nghị quyết số 54/2023/ NQ-

						HĐND
9	Văn phòng phẩm, photo, in ấn phục vụ dự án xây dựng QCĐP	Dự án	1	19.290.000	19.290.000	điểm i khoản 1 Điều 4 Thông tư 27/2020/TT- BTC; Tạm tính, chi thực theo thực tế
A	Cộng (1+2+.....+9)				1.295.840.000	
B	Dự phòng				141.160.000	(tăng mẫu kiểm nghiệm, hội thảo lấy ý kiến, tổ chức các cuộc họp...)
Tổng cộng (A+B)					1.437.000.000	

Vna